



ACTORS AFFECTING THE LEARNING MOTIVATION OF STUDENTS WORKING AND STUDYING AT VIETNAM WOMEN'S ACADEMY IN THE SOUTH

Phan Thi Cam Giang^{1,*}

¹Vietnam Women's Academy, Vietnam

*Email address: camgiang.phan1909@gmail.com

<http://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/633>

Article info

Received: 05/8/2021

Accepted: 05/9/2021

Keywords:

Learning motive; Learning motivation; Determinant; Vietnam Women's Academy in the South

Abstract

The article illustrates the results of determinants of student's learning motivation of 125 students working and studying system at the Vietnam Women's Academy in the South. By qualitative and quantitative research methods, the research results show that the influencing factors include internal factors and external factors have a positive impact on the learning skills of students. Therefrom, a number of suggestions are proposed so that students can have better learning motivation.



CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỘNG CƠ HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN HỆ VỪA HỌC VỪA LÀM TẠI PHÂN HIỆU HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Phan Thị Cẩm Giang^{1,*}

¹Học viện Phụ nữ Việt Nam, Việt Nam

*Địa chỉ email: camgiang.phan1909@gmail.com

<http://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/633>

Thông tin bài viết

Ngày nhận bài: 05/8/2021

Ngày duyệt đăng: 05/9/2021

Từ khóa:

Động cơ học tập; Yếu tố ảnh hưởng; Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam

Tóm tắt

Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập (ĐCHT) của 125 học viên (HV) hệ vừa làm vừa học tại Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam (PH HVPN VN). Bằng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố tác động bao gồm các yếu tố bên trong và các yếu tố bên ngoài có tác động tích cực đến ĐCHT của HV. Từ đó, một số gợi ý được đề xuất để HV có ĐCHT tốt hơn.

1. Đặt vấn đề

Động cơ học tập là chủ đề không mới trong nghiên cứu về tâm lý người học, nhưng lại là chủ đề luôn được các nhà giáo dục học, tâm lý học, quản lý giáo dục quan tâm.

Khái niệm động cơ dùng để giải thích vì sao con người hành động, duy trì hành động của họ và giúp họ thành công (Thọ và nnk, 2009). Động cơ giúp thiết lập và gia tăng chất lượng của quá trình nhận thức và điều này làm dẫn đến thành công. Kết quả học tập (KQHT) của HV sẽ gia tăng khi ĐCHT của họ cao vì mức độ cam kết vào việc tích lũy kiến thức và ứng dụng những chiến lược học tập có hiệu quả (Thọ và nnk, 2009). Vì vậy, ĐCHT ảnh hưởng rất lớn đến KQHT của HV. Tuy nhiên, kết quả học tập của sinh viên hệ vừa làm vừa học tại PH HVPN VN chưa cao, HV chưa thật sự phát huy hết khả năng học tập, giảng viên chưa thực sự hài lòng với

cách thức học tập của HV, đặc biệt, với HV hệ vừa làm vừa học, việc có ĐCHT đúng đắn sẽ mang lại nhiều lợi ích cho thực hành nghề nghiệp trong tương lai.

Bài viết này được trích một phần từ kết quả đề tài nghiên cứu cấp cơ sở “Động cơ học tập của sinh viên hệ Cử nhân tại Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam” do Phan Thị Cẩm Giang và cộng sự thực hiện (2020) nhằm tìm ra những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên hệ Cử nhân tại Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam để từ đó đề xuất những giải pháp làm cơ sở giúp nâng cao kết quả học tập cho sinh viên hệ Cử nhân tại PH HVPN VN những khóa sau. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của HV nhưng tập trung vào hai nhân tố chính là nhân tố thuộc về bản thân HV (kiến thức thu nhận và ĐCHT) và nhân tố thuộc

năng lực giảng viên. Những nhà nghiên cứu đã nghiên cứu và đề xuất các thang đo với những biến quan sát để đo lường các nhân tố này. Chẳng hạn như thang đo kiến thức thu nhận của Young và *ctv.* (2003) gồm 3 biến quan sát, thang đo động cơ học tập của sinh viên của Cole và *ctv.* (2004) với 4 biến quan sát. Nghiên cứu này sử dụng có chọn lọc các thang đo từ các nghiên cứu trước đây để tìm ra những yếu tố ảnh hưởng đến KQHT của HV.

2. Nội dung

2.1. Thử thức và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Tổ chức nghiên cứu

Dụng cụ nghiên cứu là một bảng hỏi gồm 15 câu được soạn thảo theo 2 giai đoạn:

- Khảo sát thăm dò (nhằm tính toán độ tin cậy, giá trị của bảng hỏi, tiến hành chỉnh sửa bảng hỏi và xác định thời gian cho việc trả lời một bảng hỏi).

- Khảo sát chính thức (soạn thảo công cụ đo chính thức là phiếu thăm dò ý kiến kết hợp với nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau).

2.1.2. Mẫu chọn

Nghiên cứu thực hiện HV đang tham gia chương trình Cử nhân hệ vừa làm vừa học ngành Công tác Xã hội tại PH HVPN VN tại thời điểm nghiên cứu: K3LTCTXH, K4LTCTXHGL, K5LTCTXHDN, K6LTCTXKK1, K6LTCTXHK2. Mẫu chọn tham gia phỏng vấn bảng hỏi và phương pháp phỏng vấn sâu.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Bảng 1: Đặc điểm mẫu khảo sát

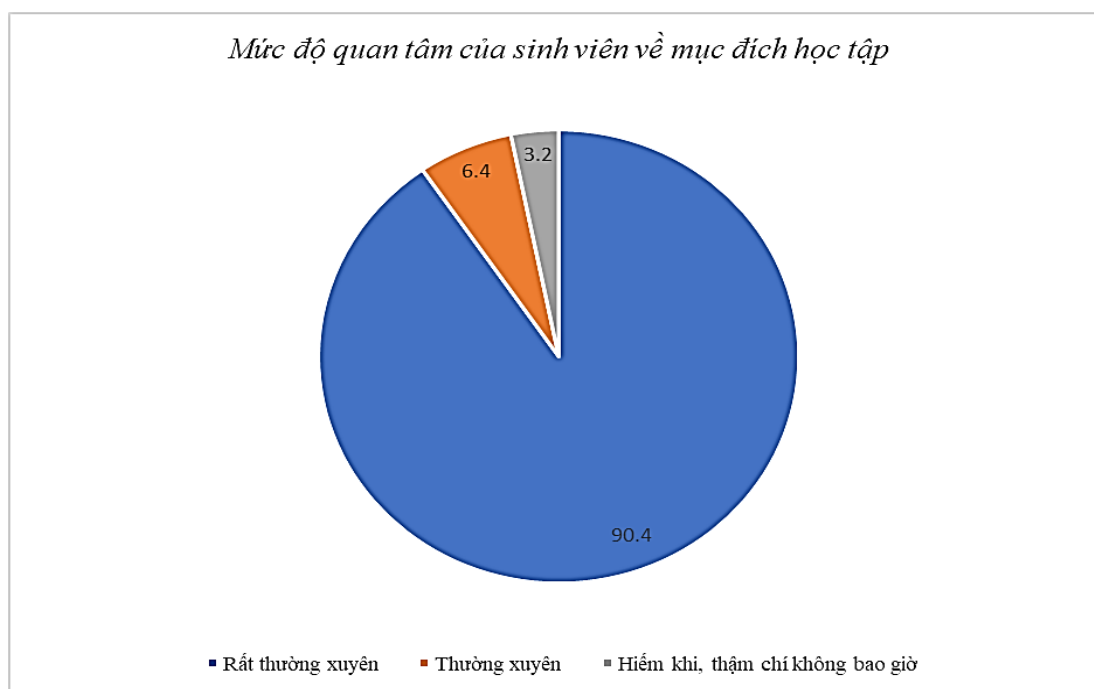
Thông tin về khách thể nghiên cứu	Đặc điểm	Tần số	Tỉ lệ (%)
Giới tính	Nam	48	38.4
	Nữ	77	61.6
Địa bàn cư trú	Thành phố	18	14.4
	Thị xã, thị trấn	25	20.0
	Nông thôn	82	65.6
Năm đang theo học	Năm thứ nhất	38	30.4
	Năm thứ hai	87	69.6
Kết quả học tập	Từ 9.0 trở lên	1	0.8
	Từ 8.0 – 9.0	10	8.0
	Trên 7.0 – dưới 8.0	73	58.4
	Từ 5.0 – 7.0	40	32.0
	Dưới 5.0	1	0.8

Nguồn: Kết quả khảo sát, 2020

Trong tổng số 125 HV được khảo sát, có đến 61.6% HV nữ và 38.4% HV nam. HV cư trú ở vùng nông thôn (82 sinh viên, chiếm 65.6%), HV đang sinh sống và làm việc tại các địa phương. Có sự chênh lệch về giới tính là do PH HVPN VN là cơ sở đào tạo chủ yếu dành cho cán bộ nữ, ngành học CTXH dành cho cả nam và nữ nhưng dường như thích hợp với nữ giới nhiều hơn và là các cán bộ tại các cơ quan hành chính sự nghiệp. Có 69.6% HV đang

theo học năm thứ 2, số còn lại là HV năm thứ nhất. Xét về kết quả học tập đã đạt được, Từ 9.0 trở lên (chỉ có 0.8%), Từ 8.0 – 9.0 (chiếm 8.0%), Trên 7.0 – dưới 8.0 là số HV có số điểm cao nhất, với 58.4% HV, Từ 5.0 – 7.0 chiếm 1/3 số lượng HV tham gia khảo sát (chiếm 32.0%), và chỉ 0.8% HV có kết quả học tập dưới 5.0.

2.2.2. Mức độ quan tâm của sinh viên về việc học

Hình 1: Mức độ quan tâm của HV về việc học

Nguồn: Kết quả khảo sát, 2020

Kết quả khảo sát 125 HV hệ vừa làm vừa học tại PH HVPN VN cho thấy: HV đều thường xuyên quan tâm về mục đích học tập của mình, do vậy HV luôn xác định được cho mình mục đích, thái độ và hành vi học tập đúng đắn. Khách thể đang học tại trường là các cán bộ đang công tác tại các cơ quan hành chính – sự nghiệp, nên đã có sự chủ động trong việc chọn trường, chọn ngành phù hợp với công việc đương nhiệm cũng như tìm hiểu những thông tin liên quan đến ngành học và công việc sau khi tốt nghiệp.

2.2.3. Lý do sinh viên chọn học đại học tại Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam

Kết quả của quá trình phỏng vấn sâu và khảo sát lần 1 cho thấy, *HV cho rằng họ học đại học vì bằng đại học có giá trị hơn so với bằng trung cấp hay*

cao đẳng, tuy nhiên vì nhiều lý do khác nhau (giới hạn về khả năng nhận thức nên không thể đăng ký thi tuyển trực tiếp vào các khối/ ngành Đại học chính quy, hoàn cảnh gia đình,...) nên các HV đã hoàn thành hệ trung cấp rồi vào làm việc, hoặc tốt nghiệp cấp 3 thì tham gia công tác tại địa phương. Điều này cho thấy HV nhận thức được tầm quan trọng của việc học đại học sẽ hỗ trợ cho công việc, ý thức được quyết định lựa chọn bậc học của mình. Tuy nhiên, cần phải phân định rõ giữa ý thức giá trị của việc học đại học với giá trị của bằng đại học vì trong thực tế không phải cứ có bằng đại học là có giá trị. Thực tế chứng minh nhiều HV tuy có bằng đại học trong tay nhưng quá trình xin việc làm lại khó hơn rất nhiều những học sinh chỉ có bằng trung cấp hay cao đẳng.

Bảng 2: Lý do HV chọn học đại học tại PH HVPN VN

STT	Lý do sinh viên chọn học đại học tại Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam	Tần số	Tỷ lệ (%)
1	Đầu vào của trường phù hợp.	109	87.2
2	Không đủ điểm vào các trường khác.	32	25.6
3	Là trường có ngành học yêu thích.	125	100.0
4	Là trường được chuẩn hóa và có tiếng hơn so với các trường khác.	0	0
5	Bị tác động bởi các yếu tố khách quan (cơ quan, gia đình, bạn bè).	101	80.8
6	Lý do khác	8	6.4

Nguồn: Kết quả khảo sát, 2020

100% HV được khảo sát cho rằng việc lựa chọn học tại PH HVPN VN là vì có ngành học yêu thích đã cho thấy việc chọn trường, chọn ngành của HV hoàn toàn phụ thuộc vào ý thức, nguyện vọng của HV.

Đầu vào của trường phù hợp, chiếm tỉ lệ hơn 87% tổng số mẫu nghiên cứu. Như vậy, khi lựa chọn ngành học và trường học, HV đã có sự tìm hiểu kỹ về yêu cầu của trường; đồng thời HV cũng căn cứ vào năng lực bản thân để chọn trường phù hợp. Điều này sẽ giúp HV tránh những sai lầm trong thi tuyển cũng như giúp bản thân có ý thức, trách nhiệm với những lựa chọn và quyết định của mình, đồng thời giải thích cho lý do HV tự nhận thức mình không đủ điểm vào các trường khác (25.6%).

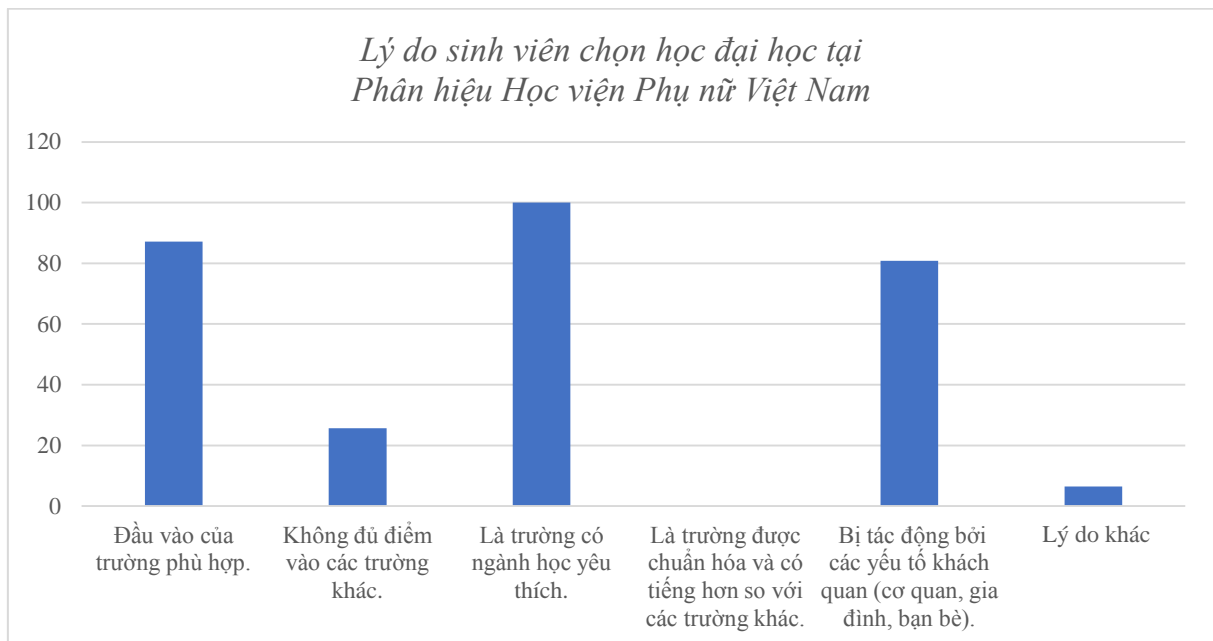
Khoảng 81% số nhóm nghiên cứu cho rằng: bị tác động bởi các yếu tố khách quan (cơ quan, gia đình, bạn bè), còn bản thân thì chưa hẳn là có nhiều hứng thú với việc học đại học.

Các lý do khác được HV cho biết như: gần nhà, phù hợp với ngành nghề và vị trí đang làm, học phí thấp hơn so với các trường khác,... cũng là những lý do khiến HV chọn PH HVPN VN để học hệ Cử nhân.

Không có tỷ lệ nào cho việc xác nhận rằng PH HVPN VN là trường được chuẩn hóa và có tiếng hơn so với các trường khác. Điều này cũng dễ hiểu, vì tuy có lịch sử ra đời và hoạt động hơn 51 năm, nhưng PH HVPN VN mới tiến hành đào tạo hệ Đại học từ 2016, và đây cũng là Đại học liên thông, qua các thông báo tuyển sinh do Học viện Phụ nữ Việt Nam thông báo, được thực hiện tại PH HVPN VN, nên nếu so sánh với các trường công khác hiện đang đào tạo ngành CTXH thì PH HVPN VN chưa hẳn có tiếng hơn so với các trường khác (chỉ so sánh về thương hiệu chứ không so sánh về chất lượng giảng dạy).

Biểu đồ dưới đây cho thấy rõ hơn quyết định lựa chọn trường của HV hệ Cử nhân tại PH HVPN VN.

Hình 2: Lý do HV chọn học đại học tại PH HVPN VN



Nguồn: Kết quả khảo sát, 2020

Tóm lại, những thông tin chung của HV, mức độ quan tâm của HV về việc học, lý do chọn học đại học tại PH HVPN VN cho thấy bức tranh chung về ĐCHT của HV tham gia học tập tại PH HVPN VN. Việc HV có những KQHT khác nhau, mức độ quan tâm đến việc học khác nhau, lý do chọn cơ sở đào tạo khác nhau,... đã cho thấy phần nào những nhân tố tác động đến ĐCHT của HV hệ Cử nhân tại PH

HVPN VN là bao gồm những nhân tố bên trong chính bản thân HV và những nhân tố bên ngoài nhưng có tác động trực tiếp đến HV.

2.2.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến ĐCHT của HV hệ Cử nhân tại PH HVPN VN

Kết quả nghiên cứu cho thấy ĐCHT của HV bị chi phối bởi rất nhiều yếu tố khác nhau.

Bảng 3. Những yếu tố ảnh hưởng đến ĐCHT của HV

STT	Yếu tố	Tần số	Tỉ lệ (%)
1	Gia đình	125	100.0
2	Anh em/ bạn bè	85	68.0
3	Cơ quan	114	91.2
4	Môi trường xã hội	7	5.6
5	Niềm đam mê, hứng thú với ngành học	97	77.6
6	Phương pháp dạy, cách thức tổ chức hoạt động của GV	118	94.4
7	Giáo trình, nội dung bài học	121	96.8
8	Điều kiện cơ sở vật chất	116	92.8
9	Xác định ĐCHT chưa đúng	125	100.0
10	Thói quen và năng lực tự học, tự nghiên cứu của bản thân còn rất hạn chế	125	100.0

Nguồn: Kết quả khảo sát, 2020

Bảng 3 cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến ĐCHT của HV như sau: Có những yếu tố ảnh hưởng ở mức 100%, như gia đình, việc cá nhân HV xác định động cơ chưa đúng và thói quen, năng lực tự học, tự nghiên cứu của bản thân còn rất hạn chế. Các yếu tố khác cũng có ảnh hưởng ở mức trên 90% cho từng yếu tố. 2 yếu tố anh em/ bạn bè và niềm đam mê, hứng thú với ngành học có ảnh hưởng với tỷ lệ dưới 80%. Riêng yếu tố môi trường xã hội có mức độ tác động yếu tới ĐCHT của HV.

** Về các yếu tố chủ quan*

Xác định ĐCHT chưa đúng và yếu tố Thói quen và năng lực tự học, tự nghiên cứu của bản thân còn rất hạn chế chiếm tỷ lệ tối đa có ảnh hưởng đến ĐCHT của HV. Qua phỏng vấn sâu với một số HV và các chuyên gia, chúng tôi nhận thấy rằng ĐCHT bị chi phối phần nhiều là do chính bản thân người học.

Thói quen và năng lực tự học, tự nghiên cứu của bản thân còn rất hạn chế cũng chiếm 100% lựa chọn của HV, vì khi không có thói quen tự học, tự nghiên cứu thì HV rất khó hình thành những ĐCHT bên trong (học vì đam mê, học vì mong muốn chiếm lĩnh tri thức,...).

Yếu tố niềm đam mê, hứng thú với ngành học cũng là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất tới ĐCHT của HV là (chiếm 77.6, việc thích hay không thích, đam mê hay không đam mê với ngành học sẽ ảnh hưởng tới ĐCHT mà cụ thể là KQHT).

** Về các yếu tố khách quan*

Yếu tố gia đình chiếm 100% đánh giá của HV cho rằng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến ĐCHT của HV, kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy nhiều HV tham gia học tập là vì gia đình.

Phương pháp dạy, cách thức tổ chức hoạt động của GV và Giáo trình, nội dung bài học cũng chiếm tỷ lệ cao trong số các yếu tố ảnh hưởng đến ĐCHT của HV, với tỷ lệ lần lượt là 96.8% và 94.4%.

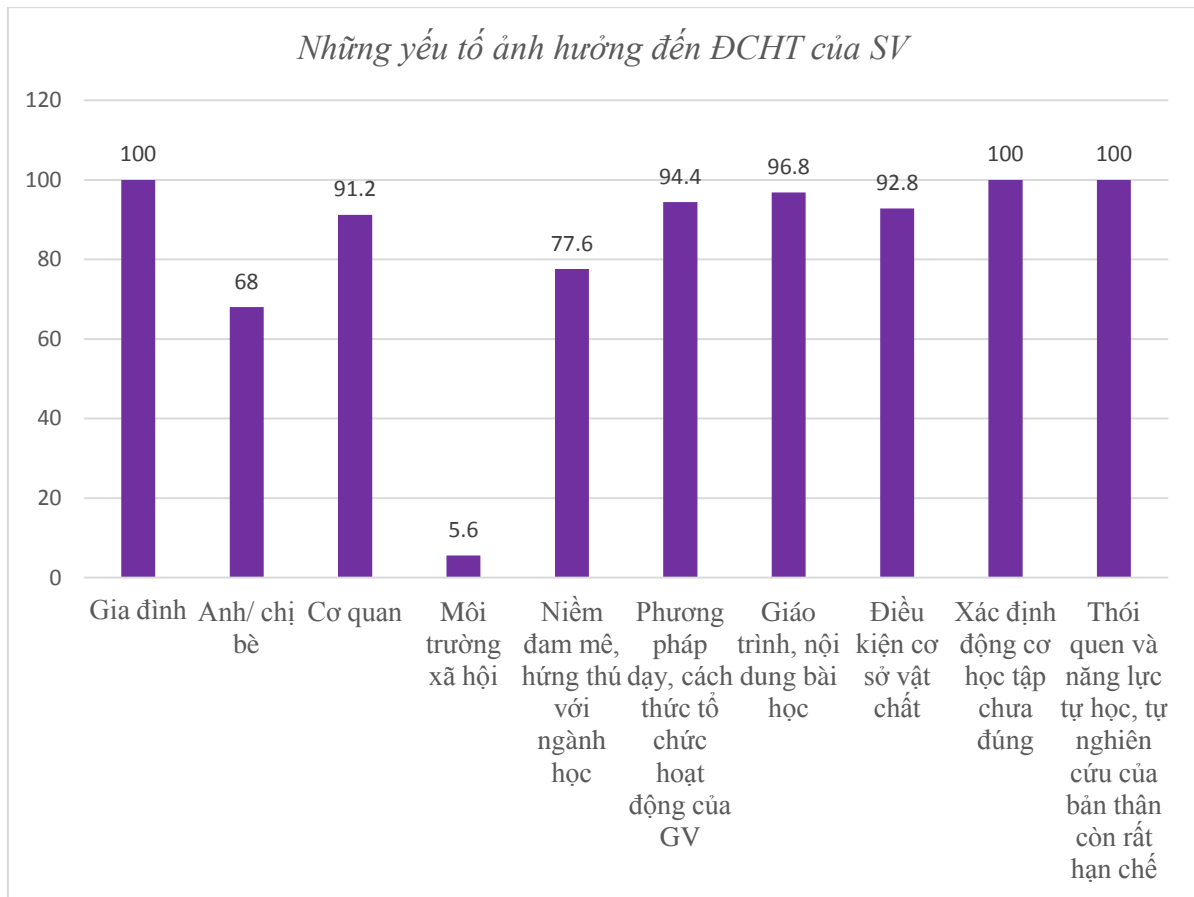
Yếu tố Điều kiện cơ sở vật chất chiếm 92.8%. Các yếu tố này có thể gom chung là yếu tố môi trường học tập, và qua kết quả này cho thấy yếu tố môi trường học tập cũng là yếu tố có mức độ ảnh hưởng không nhỏ tới ĐCHT của HV. Đa phần HV đều có chung nhận xét *nếu được học với những thầy cô giàu kinh nghiệm, nhiệt tâm với nghề, có phương pháp truyền đạt hấp dẫn... thì niềm đam mê và hứng thú với việc học sẽ tăng lên, qua đó sẽ có những tác động tích cực tới ĐCHT* và ngược lại.

Yếu tố Cơ quan cũng chiếm tỷ lệ cao (91.2%). Điều này được các HV cho biết rằng “đi học để đáp ứng yêu cầu công việc, và được sự kiểm soát của cơ quan về thời gian học, KQHT”.

Ngoài những yếu tố trên, ĐCHT của HV còn bị chi phối bởi các phương tiện thông tin đại chúng như mối quan hệ với anh em/ bạn bè, bởi môi trường xã hội...

Như vậy, có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến ĐCHT của HV trong đó có hai nhóm nhân tố chính là nhân tố chủ quan và nhân tố khách quan.

Biểu đồ 4: Những yếu tố ảnh hưởng đến ĐCHT của HV



2.2.5. Giải pháp định hướng ĐCHT cho HV tại PH HVPN VN

Kết quả phân tích cho thấy, bản thân HV có vai trò quan trọng trong việc thay đổi các yếu tố ảnh hưởng đến ĐCHT của chính mình. Từ kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ĐCHT của HV hệ Cử nhân tại PH HVPN VN, cần thực hiện 6 giải pháp sau đây để định hướng ĐCHT cho HV:

- Xác định và xây dựng ĐCHT đúng đắn.
- Chủ động hơn trong tự học.
- Xây dựng thói quen tự học, tự nghiên cứu.
- Tìm kiếm phương pháp học tập hợp lý.
- Tham gia học nhóm và có phương pháp học nhóm tốt.
- Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp, tại cơ sở thực hành.

Bên cạnh đó, cơ sở đào tạo và giảng viên, khoa chuyên môn cần quan tâm đến tài liệu, học liệu cho HV, tăng cường tương tác lớp học, hỗ trợ HV xây dựng ĐCHT, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến

ĐCHT để giảm thiểu những tác động tiêu cực và ngược lại.

3. Kết luận

Việt Nam đang thực hiện sự nghiệp CNH, HĐH đất nước trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học 4.0. Đảng và Nhà nước đã coi giáo dục là quốc sách hàng đầu, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 đã chỉ rõ nhiệm vụ của ngành GD-ĐT là “... tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học”

Kết quả phân tích cho thấy, yếu tố thuộc bản thân HV là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến ĐCHT của HV. HV là những người vừa học vừa làm, sẽ sử dụng kết quả học tập vào công tác, vì vậy HV cần

HV cần nghiêm túc nhìn nhận để điều chỉnh những nhân tố chủ quan này. Bên cạnh đó, giảng viên và cơ sở đào tạo cần hỗ trợ HV để giảm thiểu sự ảnh hưởng đến ĐCHT của các yếu tố khách quan.

REFERENCES

[1] Giang, P. T.C., Thuy, N. T. D., The, N. X. (2020). *Learning motivation of Bachelor students at Vietnam Women's Academy campus*, Foundation topic, Vietnam Women's Academy campus.

[2] Tho, N. D., Trang, N. T. M. (2009). *Scientific research in business administration*, Statistics Publishing Company.

[3] Tho, N. D. (2010). *The relationship between learning motivation and the quality of life in learning of students of economics major*, topic B2009-09-76, Ministry of Education and Training.

[4] Trang, N. T. M., Tho, N. D., Van, M. L. T. (2008). *The main factors affecting the acquired knowledge of students majoring in economics in the Ho Chi Minh City*, topic B2007-76-05.

[5] Trong, H., Ngoc, C. N. M. (2008). *Research data analysis with SPSS Volume 1*, Hong Duc Publishing Company, Ho Chi Minh City.

[6] Uan, N. Q. (1996). *General Psychology*, Hanoi National University of Education Publishing Company.